

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111
Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020
Trang 1 thuộc 12

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

MỤC 1

DANH TÍNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111
Mô tả sản phẩm: Dầu gốc và các phụ gia
Mã sản phẩm.: 2015A0208090, 641316-00
Sử dụng đúng mục đích: Mỡ nhờn

DANH TÍNH CÔNG TY

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp: ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd (Mã Công Ty: 196800312N)
Căn 1 Harbour Front
Số 06-00 Tòa Nhà Harbour Front Số Một 098633 Singapore

Cấp Cứu Y Tế 24/24 giờ +1 703-253-4229/+1 703-527-3887
Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp (65) 6885 8000/86-21-24076000

Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH EQUATOR
146 - 148 đường Khánh Hội
Phường 6, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 8 3940 6411

Nhà cung cấp: Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Giang
202 Hoàng Văn Thụ
Phường 9, Quận Phú Nhuận
Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 28 73024500

Nhà cung cấp: Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN
53 đường Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp +84 24 32123939

MỤC 2

NHẬN DIỆN CÁC MỐI NGUY HIỂM

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo hướng dẫn quy định (xem BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) Mục 15).

PHÂN LOẠI:

Kích ứng da : Nhóm 3. Nhạy cảm da loại 1
Độc tính cấp tính đối với môi trường thủy sinh loại 2 Độc tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh loại 3

NHÃN:

Ký hiệu:

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111
Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020
Trang 2 thuộc 12



Từ Cảnh Báo: Cảnh báo

Các Công Bố Về Mỗi Nguy Hiểm:

Sức Khỏe: H316: Gây kích ứng nhẹ cho da. H317: Có thể gây phản ứng dị ứng da.
Môi trường: H401: Độc cho các thủy sinh vật. H412: Có hại cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Thông Điệp Đề Phòng:

Phòng Ngừa: P261: Tránh hít các khói. P272: Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được mang ra khỏi nơi làm việc. P273: Tránh phát tán ra môi trường. P280: Sử dụng găng tay bảo hộ.
Đối phó: P302 + P352: NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. P333 + P313: Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc. P362 + P364: Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
Thải bỏ: P501: Thải bỏ các phần chứa bên trong và dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương.

Chứa: MOLYBDENUM, BIS(0,0-BIS(2-ETHYLHEXYL)PHOSPHORODITHIOATO-S,S')DIOXODI-U-THIOXODI-

Thông tin khác về mỗi nguy hiểm:

CÁC HIỂM HỌA VỀ MẶT VẬT LÝ/HÓA HỌC

Không có mối nguy hiểm nào đáng kể

CÁC HIỂM HỌA CHO SỨC KHỎE

Chích ép mạnh vào dưới da có thể gây tổn thương nặng. Kích ứng nhẹ cho da. Có thể gây kích ứng mắt, mũi, họng, và phổi.

CÁC HIỂM HỌA CHO MÔI TRƯỜNG

Không có mối nguy hiểm nào nữa.

LƯU Ý: Không được dùng vật liệu này ngoài mục đích sử dụng được đề cập đến trong Mục 1 mà không có ý kiến của chuyên gia. Các nghiên cứu về sức khỏe cho thấy rằng việc tiếp xúc với hóa chất có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe con người và biểu hiện khác nhau trên mỗi người.

MỤC 3 THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Vật liệu này được định nghĩa là một hỗn hợp

(Các) Chất Nguy Hiểm hoặc (các) Chất Phức Tạp cần phải công bố

Tên	Mã số thông tin cơ bản CAS của hóa chất#	Hàm lượng Nồng độ*	Các Mã về Mỗi Nguy Hiểm theo GHS

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111

Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020

Trang 3 thuộc 12

1H-IMIDAZOL-1-ETANOL, 2-(8-HEPTADECENYL)-4,5-DIHYDRO-	95-38-5	0.1 - < 1%	H302, H314(1C), H373, H400(M factor 10), H410(M factor 1)
NHỰA ĐƯỜNG (DẦU MỎ)	8052-42-4	40 - < 50%	Không
MOLYBDENUM, BIS(0,0-BIS(2-ETHYLHEXYL)PHOSPHORODITHIOATO-S,S')DIOXODI-U-THIOXODI-	72030-25-2	1 - < 5%	H315, H317, H413

*Mọi nồng độ đều được tính theo phần trăm khối lượng trừ khi vật liệu là chất khí. Nồng độ các chất khí được tính theo phần trăm thể tích.

MỤC 4 CÁC BIỆN PHÁP CẤP CỨU

HÍT VÀO

Đưa ngay ra khỏi môi trường tiếp xúc. Đối với những người cứu hộ, tránh tiếp xúc cho cả bản thân mình hoặc cho người khác. Dùng các biện pháp thở đáng để bảo vệ đường hô hấp. Nếu bị kích ứng đường hô hấp, chóng mặt, buồn nôn, hoặc bất tỉnh xảy ra, tìm gặp y bác sĩ ngay. Nếu nạn nhân bị ngưng thở, dùng thiết bị cơ học để làm thông khí hoặc dùng biện pháp hô hấp nhân tạo miệng qua miệng. Sử dụng đúng mục đích trong các điều kiện bình thường, vật liệu này không được xem là gây nguy hiểm khi hít phải.

TIẾP XÚC VỚI DA

Rửa các vùng bị tiếp xúc với nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo đã bị ô nhiễm. Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại. Nếu chích sản phẩm vào da hoặc dưới da, hoặc vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, bất kể diện mạo hoặc kích cỡ vết thương ra sao, người đó phải được y bác sĩ nhận định ngay lập tức là trường hợp phẫu thuật cấp cứu. Dù các triệu chứng ban đầu do chích ép mạnh là có thể rất ít hoặc không có, việc điều trị phẫu thuật sớm trong vòng vài giờ đầu tiên có thể giảm đáng kể mức độ thương tật cuối cùng.

TIẾP XÚC VỚI MẮT

Súc rửa thật kỹ với nước. Nếu bị kích ứng, tìm gặp y bác sĩ.

ĂN VÀO

Thường không cần phải cấp cứu. Tìm y bác sĩ để được chăm sóc nếu cảm thấy khó chịu.

Y BÁC SĨ CẦN CHÚ Ý

Không

MỤC 5 CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

CHẤT DẬP LỬA

Chất dập lửa phù hợp: Sử dụng nước phun sương, bọt, hóa chất khô hay cacbon-di-oxyt để dập lửa.

Chất dập lửa không phù hợp: Các dòng nước thẳng

CHỮA CHÁY

Hướng dẫn chữa cháy: khu vực sơ tán. Ngăn ngừa các chất thất thoát do hoạt động chữa cháy xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, hoặc nguồn nước uống. Người chữa cháy phải sử dụng trang bị bảo hộ tiêu chuẩn và khi ở các khu vực kín, phải dùng thiết bị thở tự điều khiển. Dùng nước xịt làm nguội các bề mặt nóng do tiếp xúc với lửa và để bảo vệ người.

Các sản phẩm cháy gây nguy hiểm: Các Andehyt, Các sản phẩm cháy không hoàn toàn, Các oxyt của cacbon, Khí, Các oxyt lưu huỳnh

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111
Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020
Trang 4 thuộc 12

CÁC TÍNH CHẤT GÂY CHÁY

Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >204°C (400°F) [EST. ĐỐI VỚI DẦU, Tiêu chuẩn ASTM D-92]

Các giới hạn bất cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới:

KHÔNG XÁC ĐỊNH Giới hạn tiếp xúc trên: KHÔNG XÁC ĐỊNH

Nhiệt độ tự bốc cháy: KHÔNG XÁC ĐỊNH

MỤC 6

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CÓ RÒ RỈ BẤT NGỜ

CÁC QUI TRÌNH THÔNG BÁO

Trong trường hợp có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ, báo cáo cho các cấp có thẩm quyền liên quan theo tất cả các qui định hiện hành.

CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ

Tránh tiếp xúc với vật liệu tràn đổ. Cảnh báo hoặc di tản cư dân xung quanh và những vùng cuối chiều gió nếu cần vì vật liệu có tính độc hại và dễ cháy. Xem Mục 5 về chữa cháy. Xem Mục Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm để biết về Các Hiểm Họa Quan Trọng. Xem Mục 4 về Những Điều Cần Làm Khi Cấp Cứu. Xem Mục 8 để được hướng dẫn về các yêu cầu tối thiểu của trang bị bảo hộ cá nhân. Có thể cần dùng các biện pháp bảo vệ bổ sung, tùy thuộc vào tình trạng cụ thể và/hoặc đánh giá chuyên môn của các nhân viên ứng cứu khẩn cấp.

XỬ LÝ TRÀN ĐỔ

Tràn đổ xuống đất: Dùng xẻng nạo vét vật liệu tràn đổ cho vào dụng cụ đựng thích hợp để mang đi tái chế hoặc thải bỏ.

Tràn đổ nước: Chặn ngay rò rỉ nếu bạn có thể thực hiện mà không gặp rủi ro. khoanh vùng giới hạn lượng tràn đổ ngay lập tức bằng rào phao nổi. Cảnh báo các phương thức vận chuyển khác. Hốt váng, bốt khỏi bề mặt.

Các khuyến nghị trong trường hợp tràn đổ xuống nước hoặc đất là dựa trên cơ sở tình huống tràn đổ thường gặp nhất đối với vật liệu này, tuy nhiên, điều kiện địa lý, gió, nhiệt độ, (và trong trường hợp tràn đổ xuống nước) sóng và chiều dòng nước cùng tốc độ nước có thể ảnh hưởng lớn trong việc xác định hành động khắc phục cho phù hợp. Vì lý do đó, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia ở địa phương. Chú ý: Các qui định ở địa phương có thể mô tả hoặc giới hạn hành động khắc phục cần thực hiện.

ĐỀ PHÒNG VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Ngăn ngừa xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, tầng hầm nhà hoặc các khu vực giới hạn.

MỤC 7

THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

THAO TÁC

Tránh tiếp xúc với da. Tránh không làm tràn đổ ra ngoài những lượng nhỏ hoặc làm rò rỉ để tránh nguy cơ trượt té. Vật liệu có thể tích tĩnh điện gây ra tia lửa điện (mồi lửa).

Chất có khả năng tích tĩnh điện: Vật liệu này là chất có khả năng tích tĩnh điện.

BẢO QUẢN

Loại dụng cụ đựng để chứa vật liệu này có thể ảnh hưởng đến hoạt động tích và giải tĩnh điện. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nắp. Không đựng trong các dụng cụ đựng hở hoặc không có nắp. Để tránh xa các vật liệu không tương thích

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111
 Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020
 Trang 5 thuộc 12

MỤC 8 KIỂM SOÁT VIỆC TIẾP XÚC / BẢO HỘ CÁ NHÂN

CÁC CHỈ SỐ GIỚI HẠN TIẾP XÚC

Các chỉ số giới hạn/tiêu chuẩn tiếp xúc (Chú ý: các chỉ số giới hạn không phải là phần bổ sung)

Tên hóa chất	Dạng	Giới hạn/Tiêu chuẩn	Chú ý:	Nguồn	Năm
NHỰA ĐƯỜNG (DẦU MỎ)		GIỚI HẠN TIẾP XÚC THỜI GIAN NGẮN 10 mg/m ³		Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam	2019
NHỰA ĐƯỜNG (DẦU MỎ)		Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) 5 mg/m ³		Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL) của Việt Nam	2019
NHỰA ĐƯỜNG (DẦU MỎ) [Các phần tan trong benzen]	Khói, có thể hít	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) 0.5 mg/m ³		HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ	2019
MOLYBDENUM, BIS(0,0-BIS(2-ETHYLHEXYL)PHOSPHORODITHIOATO-S,S')DIOXODI-UTHIOXODI-, [tính theo Mo]	Bụi hạt có thể hít vào được.	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) 10 mg/m ³		HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ	2019
MOLYBDENUM, BIS(0,0-BIS(2-ETHYLHEXYL)PHOSPHORODITHIOATO-S,S')DIOXODI-UTHIOXODI-, [tính theo Mo]	Bụi hạt hô hấp	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc trong một thời gian (thường là 8 giờ) 3 mg/m ³		HỘI CÁC NHÀ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ	2019

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111
Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020
Trang 6 thuộc 12

Các giới hạn / tiêu chuẩn về tiếp xúc với các vật liệu tạo thành trong quá trình thao tác với sản phẩm này:
Khi có sương/khí dung xuất hiện, nên sử dụng : 5 mg/m³ - Ngưỡng giới hạn (TLV) của ACGIH (phần có thể hít).

CHÚ Ý: Các giới hạn/tiêu chuẩn chỉ được trình bày với mục đích hướng dẫn. Tuân thủ các quy định hiện hành.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Mức độ bảo vệ và các phương pháp kiểm soát cần thiết sẽ khác nhau tùy thuộc vào các điều kiện tiếp xúc có khả năng xảy ra. Các biện pháp kiểm soát cần xem xét là:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ.

BẢO HỘ CÁ NHÂN

Việc lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân thay đổi dựa trên các điều kiện tiếp xúc có thể xảy ra như khi sử dụng, thao tác, nồng độ vật liệu hoặc thông gió. Thông tin về việc lựa chọn thiết bị bảo hộ để sử dụng với vật liệu này, như được cung cấp dưới đây, là dựa trên cách sử dụng bình thường đúng mục đích.

Bảo vệ đường hô hấp: Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì được nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí ở mức thích hợp để bảo vệ cho sức khỏe công nhân, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được chấp thuận cho dùng thích hợp. Việc lựa chọn, sử dụng, và bảo trì mặt nạ phòng độc phải tuân theo các yêu cầu qui định nếu có. Các kiểu mặt nạ phòng độc cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Không có yêu cầu đặc biệt nào trong điều kiện sử dụng bình thường và có thông khí đầy đủ. **Thắt hạt**

Đối với trường hợp nồng độ trong không khí cao, dùng mặt nạ phòng độc cấp khí đã được chấp thuận sử dụng, hoạt động ở chế độ áp suất dương. Mặt nạ phòng độc cấp khí có bình thoát khí có thể thích hợp trong trường hợp lượng Oxy không đủ, thông tin về tính chất độc hại cần lưu ý của chất khí / hơi không đầy đủ, hoặc nếu tốc độ / năng lực tinh lọc không khí kém không đáp ứng nổi

Bảo vệ tay: Thông tin cụ thể về găng tay được cung cấp dựa theo tài liệu công bố và dữ liệu của nhà sản xuất găng tay. Điều kiện làm việc có thể ảnh hưởng rất nhiều đến độ bền của găng tay; kiểm tra và thay thế các găng tay đã hư hỏng hoặc đã mòn. Các kiểu găng tay cần xem xét sử dụng cho vật liệu này bao gồm:

Nên sử dụng găng tay chống hóa chất. Nếu phải tiếp xúc với phần căng tay, nên sử dụng loại găng tay kiểu găng dài. Nitril, Nhựa Viton (thường dùng trong trang phục bảo hộ)

Bảo vệ mắt: Nếu có khả năng bị tiếp xúc, nên dùng kính bảo hộ có gờ chắn kín.

Bảo vệ da và cơ thể: Mọi thông tin cụ thể về trang phục bảo hộ được cung cấp dựa theo tài liệu công bố hoặc dữ liệu của nhà sản xuất. Các kiểu trang phục bảo hộ cần xem xét sử dụng với vật liệu này bao gồm:

Nên sử dụng quần áo chống hóa chất / dầu.

Các biện pháp vệ sinh riêng: Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm. Vứt bỏ quần áo, giày dép đã bị ô nhiễm không thể giặt sạch được. Thực hiện quản lý tốt việc giữ gìn vệ sinh

KIỂM SOÁT VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định môi trường hiện hành hạn chế việc phóng thích ra không khí, nước và đất. Bảo vệ môi trường bằng cách áp dụng những biện pháp kiểm soát thích hợp để ngăn chặn hoặc hạn chế việc phát thải.

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111
Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020
Trang 7 thuộc 12

MỤC 9

TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Lưu ý: Các tính chất lý hóa được cung cấp chỉ nhằm mục đích xem xét về an toàn, sức khỏe và môi trường mà thôi, chúng không thể hiện đầy đủ các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. Xin liên lạc với Nhà Cung Cấp để tìm hiểu thêm.

THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Trạng thái vật lý: Đặc
Dạng: Bán lỏng
Màu: Đen
Mùi: Đặc điểm
Ngưỡng phát hiện mùi: KHÔNG XÁC ĐỊNH

THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ SỨC KHỎE, AN TOÀN, VÀ MÔI TRƯỜNG

Tỷ trọng (ở 15 °C): 0.946
Khả năng cháy (Rắn, Khí): KHÔNG ÁP DỤNG
Điểm bốc cháy [Phương pháp]: >204°C (400°F) [EST. ĐỐI VỚI DẦU, Tiêu chuẩn ASTM D-92]
Các giới hạn bắt cháy (xấp xỉ phần trăm theo thể tích trong không khí): Giới hạn tiếp xúc dưới:
KHÔNG XÁC ĐỊNH Giới hạn tiếp xúc trên: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Nhiệt độ tự bốc cháy: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Điểm sôi / Phạm vi: > 316°C (600°F) [Uoc luong]
Nhiệt độ phân hủy: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Tỷ khối hơi (không khí = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH
Áp suất hơi: < 0.013 kPa (0.1 mm Hg) ở 20 °C [Uoc luong]
Tốc độ bay hơi (n-butyl axetat = 1): KHÔNG XÁC ĐỊNH
pH: KHÔNG ÁP DỤNG
Log Pow (hệ số phân tách n-Octanol/nước): > 3.5 [Uoc luong]
Khả năng tan trong nước: Không đáng kể
Độ nhớt: [CHƯA XÁC ĐỊNH ở 40°C] | 43 CentiStoke (43 mm²/giây) ở 100°C
Các Tính Chất Oxy Hóa: Xem phần Nhận Diện Các Mối Nguy Hiểm.

THÔNG TIN KHÁC

Điểm đông: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Điểm nóng chảy: KHÔNG XÁC ĐỊNH
Sản phẩm chiết với tác chất chiết DMSO (di-metyl-sunfoxyt), (chỉ dùng cho dầu khoáng), phương pháp thử nghiệm IP-346: < 3 %tl

LƯU Ý: Hầu hết các tính chất vật lý nêu trên là của thành phần dầu trong vật liệu.

MỤC 10

ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

ĐỘ BỀN: Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.

CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH: Nhiệt dư Các nguồn gây cháy giàu năng lượng

CÁC VẬT LIỆU CẦN TRÁNH: Chất Oxy hóa mạnh

CÁC SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY NGUY HIỂM: Vật liệu không phân hủy ở nhiệt độ môi trường.

KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG NGUY HIỂM: Quá trình polyme hóa sẽ không xảy ra

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111
 Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020
 Trang 8 thuộc 12

MỤC 11 THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

THÔNG TIN VỀ CÁC TÁC DỤNG ĐỘC

Nhóm nguy hiểm	Kết luận / Nhận xét
Hít phải	
Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rủi ro rất thấp ở nhiệt độ môi trường hoặc nhiệt độ làm việc bình thường.
Ăn vào	
Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Da	
Độ độc cấp tính: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Rất ít độc hại. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Ấn Mòn Da/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Tiếp xúc lâu dài gây kích ứng nhẹ cho da. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Mắt	
Tổn Thương Mắt Nghiêm Trọng/Kích ứng: Không có dữ liệu điểm cuối cho vật liệu này.	Có thể gây khó chịu nhẹ cho mắt trong thời gian ngắn. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Gây mẫn cảm	
Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là chất gây mẫn cảm đường hô hấp.
Gây Mẫn Cảm Da: Dữ liệu có sẵn.	Có thể gây phản ứng dị ứng da. Dựa trên dữ liệu kiểm tra các vật liệu tương tự về mặt cấu trúc. (các) phương pháp thử nghiệm tương đương hoặc tương tự như Hướng dẫn của OECD (Tổ Chức Hợp Tác và Phát Triển Kinh Tế) 442B
Sặc vào phổi: Dữ liệu có sẵn.	Không được xem là có hiểm họa sặc vào phổi. Dựa trên các tính chất lý-hóa của vật liệu.
Khả Năng Gây Đột Biến Tế Bào Mầm: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là chất gây đột biến tế bào mầm. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Khả năng gây ung thư: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây ung thư. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Độc Tính Sinh Sản: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	là Không được xem là chất độc sinh sản. Dựa trên việc đánh giá các thành phần
Thời kỳ cho con bú: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây hại cho trẻ đang bú mẹ.
Độc Tính Cơ Quan Mục Tiêu Cụ Thể (STOT)	
Tiếp Xúc Một Lần: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc một lần.
Tiếp Xúc Lặp Lại: Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.	Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

ĐỘC TÍNH CHO CÁC CHẤT

TÊN	ĐỘ ĐỘC CẤP TÍNH
1H-IMIDAZOL-1-ETANOL, 2-(8-HEPTADECENYL)-4,5-DIHYDRO-	Khả Năng Gây Tử Vong Qua Miệng: LD50 1265 mg/kg (Chuột (rat))

THÔNG TIN KHÁC

Cho bản thân sản phẩm.:

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111

Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020

Trang 9 thuộc 12

Tiếp xúc nhiều lần và/hoặc trong thời gian kéo dài có thể gây kích ứng da, mắt, hoặc đường hô hấp. Một hay nhiều thành phần được phân loại là chất gây mẫn cảm cho da.

Chứa:

Dầu gốc được tinh chế theo yêu cầu khắt khe: Không gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật. Vật liệu đại diện đạt chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm IP-346, chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm Ames sửa đổi, và/hoặc các chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm sàng lọc khác. Các nghiên cứu trên da và đường hô hấp cho thấy có tác dụng ảnh hưởng rất ít; thâm nhiễm không đặc trưng qua phổi vào các tế bào hệ miễn dịch, kết tụ chất béo và rất ít hình thành u hạt. Không gây mẫn cảm trong các thử nghiệm trên động vật.

Phân loại của CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI:

Các thành phần sau được trích dẫn vào các danh mục dưới đây: Không.

--CÁC QUY ĐỊNH CẦN TÌM--		
1 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 1	2 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 2A	3 = CƠ QUAN NGHIÊN CỨU UNG THƯ CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI 2B

MỤC 12 THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin đã nêu được dựa theo dữ liệu của vật liệu, thành phần của vật liệu, hoặc vật liệu tương tự, bằng cách áp dụng các nguyên lý bắc cầu.

ĐỘC TÍNH VỀ MẶT SINH THÁI

Vật liệu -- Dự kiến sẽ độc cho sinh vật thủy sinh.

Vật liệu -- Được xem là có hại cho thủy sinh vật. Có thể gây các tác dụng có hại lâu dài cho môi trường nước.

TÍNH LINH ĐỘNG

Thành phần dầu gốc -- Ít tan và nổi được và được xem là có thể trôi dạt từ nước đến mặt đất. Được xem là có thể phân tách thành cặn lắng và các chất rắn trong nước thải

TÍNH BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY BỞI VI SINH VẬT

Phân hủy bởi vi sinh vật.:

Thành phần dầu gốc -- Được xem là vốn có tính bị phân hủy bởi vi sinh vật

KHẢ NĂNG TÍCH TỤ TRONG CƠ THỂ

Thành phần dầu gốc -- Có khả năng tích tụ trong cơ thể, tuy nhiên các tính chất vật lý hoặc chuyển hoá trong cơ thể có thể làm giảm nồng độ hoạt động sinh học hoặc giới hạn khả năng sẵn sàng hoạt động sinh học.

MỤC 13 XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các khuyến nghị việc thải bỏ dựa trên tài liệu như đã được cung cấp. Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp hiện hành đang áp dụng, và đặc tính của vật liệu vào lúc thải bỏ.

KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC THẢI BỎ

Biện pháp thải bỏ phù hợp là đốt cháy có giám sát, chú trọng thu hồi năng lượng, hoặc các phương pháp tái

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111

Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020

Trang 10 thuộc 12

ché thích hợp theo các quy định hiện hành và tính chất vật liệu vào thời điểm thải bỏ.

Cảnh báo về bình chứa rỗng NỘI DUNG NHÃN ĐỀ PHÒNG: Bình chứa rỗng có thể vẫn còn cặn dư và có thể gây nguy hiểm. KHÔNG ÉP, CẮT, HÀN, KHOAN, MÀI HOẶC ĐỂ CÁC BÌNH CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, MÔI TRƯỜNG TÍNH ĐIỆN, HOẶC CÁC NGUỒN GÂY CHÁY; CHÚNG CÓ THỂ NỔ VÀ GÂY THƯƠNG TẬT HOẶC TỬ VONG. Đừng cố gắng tái nạp hoặc làm sạch bình chứa đựng vì cặn dư rất khó loại bỏ. Các phụ sử dụng xong phải được tháo xả cho hết hoàn toàn, bịt kín đúng cách và lập tức chuyển trả cho nơi tu sửa phục hồi phụ. Mọi bình chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn đối với môi trường và phù hợp với các qui định của chính quyền.

MỤC 14

THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

ĐẤT : Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường bộ

Qui định về vận chuyển đường biển đối với các hàng hóa gây nguy hiểm (IMDG): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng đường biển theo IMDG

Chất gây ô nhiễm biển: Không

AIR (IATA): Không được qui định cho việc vận chuyển bằng máy bay

MỤC 15

THÔNG TIN QUI ĐỊNH

Vật liệu này được xem là nguy hiểm theo Luật Hóa Chất.

TÌNH TRẠNG QUI ĐỊNH VÀ CÁC LUẬT VÀ QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH

Được nêu hoặc được miễn nêu/thông báo trong các danh mục hóa chất sau đây (Có thể chứa (những) chất phải thông báo vào danh mục chất có hoạt động theo Đạo Luật về Kiểm Soát Chất Độc (TSCA) của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ (EPA) trước khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ):

AIIC, DSL, ENCS, IECSC, ISHL, KECI, PICCS, TCSI, TSCA

MỤC 16

THÔNG TIN KHÁC

N/D = không xác định, N/A = không áp dụng

DIỄN GIẢI CÁC MÃ HIỂM HỌA (H-CODE) NẾU TẠI MỤC 3 CỦA TÀI LIỆU NÀY (chỉ dùng để tham khảo):

H302: Có hại khi nuốt phải; Độc Cấp Tính Qua Miệng, Nhóm 4

H314(1C): Gây phỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng; Ăn Mòn/Kích Ứng Da, Nhóm 1C

H315: Gây kích ứng da; Ăn Mòn/Kích Ứng Da, Nhóm 2

H317: Có thể gây phản ứng dị ứng da; Gây Mẫn Cảm Da, Nhóm 1

H373: Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần; Cơ Quan Đích, Nhiều Lần, Nhóm 2

H400: Rất độc cho các thủy sinh vật; Độc Cấp Tính Cho Môi Trường, Nhóm 1

H410: Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 1

H413: Có thể gây ra các tác dụng có hại lâu dài cho các thủy sinh vật; Độc Lâu Dài Cho Môi Trường, Nhóm 4

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN (VẬT LIỆU) NÀY CÓ CHỨA CÁC PHẦN SỬA ĐỔI SAU:

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111

Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020

Trang 11 thuộc 12

CÔNG TY TNHH EQUATOR: Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được sửa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Ứng Phó – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Nam Giang): Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được sửa.
Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN: Mục 01: Địa chỉ gửi thư của nhà cung cấp thông tin đã được sửa.
Thành phần: Bảng Thành Phần thông tin đã được sửa.
Thành phần: Chú thích nồng độ thông tin đã được sửa.
Thành Phần: Định nghĩa theo tiêu ngữ (GHS) thông tin đã được sửa.
Phân Loại Môi Trường theo GHS thông tin đã được sửa.
Hiểm Họa Môi Trường Theo GHS – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Tiêu Ngữ Hiểm Họa GHS – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Phân Loại Về Tác Dụng Trên Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.
Hiểm Họa Sức Khỏe Theo GHS – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.
Hiểm Họa Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.
Biểu Tượng Cho Tác Dụng Trên Sức Khỏe Theo GHS đã bổ sung thông tin.
GHS - KHÔNG KÝ HIỆU – TIỂU ĐỀ thông tin đã được xóa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Tổng Quát – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Phòng Ngừa – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Phòng Ngừa thông tin đã được sửa.
Tiêu Ngữ Đề Phòng GHS – Ứng Phó đã bổ sung thông tin.
Từ Cảnh Báo GHS – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.
Từ Cảnh Báo GHS thông tin đã được sửa.
Tiêu Đề Ký Hiệu GHS đã bổ sung thông tin.
Nhận Diện Hiểm Họa: AP – Tiêu Ngữ Hiểm Họa - GHS thông tin đã được sửa.
Nhận diện các mối nguy hiểm: Các mối nguy hiểm đến sức khỏe thông tin đã được sửa.
Mục 01: Địa chỉ công ty thông tin đã được sửa.
Mục 01: Phân Loại Hiểm Họa – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Mục 02: Chứa Thành Phần theo GHS – Tiêu Đề đã bổ sung thông tin.
Mục 02: Thành Phần GHS về các mã GHS TRÊN NHẤN đã bổ sung thông tin.
Mục 04: Sơ cấp cứu khi hít phải thông tin đã được sửa.
Mục 04: Sơ cấp cứu khi tiếp xúc với da thông tin đã được sửa.
Mục 06: Các Biện Pháp Xử Lý Rò Rỉ Bất Ngờ - Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường thông tin đã được sửa.
Mục 06: Các Biện Pháp Đề Phòng thông tin đã được sửa.
Mục 07: Thao Tác và Bảo Quản – Thao Tác thông tin đã được sửa.
Mục 07: Các Thành Ngữ Về Thao Tác và Bảo Quản – Bảo Quản thông tin đã được sửa.
Mục 07: Tích tụ tĩnh điện thông tin đã được sửa.
Mục 08: Kiểm soát tiếp xúc - Lưu ý thông tin đã được sửa.
Mục 08: Bảng Giới Hạn Tiếp Xúc thông tin đã được sửa.
Mục 08: Tiêu chuẩn/Giới hạn tiếp xúc thông tin đã được sửa.
Mục 08: Bảo Vệ Tay thông tin đã được sửa.
Mục 08: Bảo vệ cá nhân thông tin đã được sửa.
Mục 08: Các Tiêu Chuẩn CEN (Ủy Ban Tiêu Chuẩn Hóa Châu Âu) về đường hô hấp đã bổ sung thông tin.
Mục 08: Bảo vệ đường hô hấp thông tin đã được sửa.
Mục 08: Bảo vệ da và cơ thể thông tin đã được sửa.
Mục 09: Ghi Chú Về Tính Chất Vật Lý/Hóa Học thông tin đã được sửa.
Mục 09: Ghi chú mục 09 thông tin đã được sửa.
Mục 09: Độ Nhớt thông tin đã được sửa.
Mục 11 bảng Độc Tính của Chất - Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Mục 11: Tiêu Đề Bảng Độc Tính Cấp thông tin đã được sửa.
Mục 11: Thông tin thêm về sức khỏe thông tin đã được sửa.
Section 11: Độ Độc Mãn Tính – Thành Phần thông tin đã được sửa.
Mục 11: Tiêu Đề Các Tác Dụng Khác Đối Với Sức Khỏe thông tin đã được sửa.
Mục 11: Các ảnh hưởng đến sức khỏe khác đã bổ sung thông tin.

Tên sản phẩm: MOBILUX EP 111

Ngày sửa đổi: 17 Tháng Ba 2020

Trang 12 thuộc 12

Mục 11: Các ảnh hưởng đến sức khỏe khác thông tin đã được sửa.
Mục 11: Kết Luận Về Kích Ứng Da thông tin đã được sửa.
Mục 11: Kết Luận về Gây Mẫn Cảm Da thông tin đã được sửa.
Mục 11: Chú Thích về Thử Nghiệm Gây Mẫn Cảm Da thông tin đã được sửa.
Mục 11: Dữ Liệu Thử Nghiệm Gây Mẫn Cảm Da thông tin đã được sửa.
Mục 11: Hướng Dẫn Thử Nghiệm Gây Mẫn Cảm Da đã bổ sung thông tin.
Mục 12: Khả Năng Tích Tụ Trong Cơ Thể – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Mục 12: Thông Tin Sinh Thái – Độc Tính Cấp Đối Với Môi Trường Nước thông tin đã được sửa.
Section 12: Thông Tin Về Sinh Thái - Khả Năng Tích Tụ Trong Cơ Thể thông tin đã được sửa.
Mục 12: thông tin về sinh thái – Khả Năng Bị Phân Hủy Bởi Vi Sinh Vật thông tin đã được sửa.
Mục 12: thông tin về sinh thái – Tính chất linh động thông tin đã được sửa.
Mục 12: Độc tính về sinh thái - tiêu đề thông tin đã được sửa.
Mục 12: Khả Năng Di Chuyển – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Mục 12: Tính Bền và Khả Năng Bị Phân Hủy Bởi Vi Sinh Vật – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Mục 13: Xem Xét Thái Bỏ - Các Khuyến Nghị Cho Việc Thái Bỏ thông tin đã được sửa.
Mục 13: Khuyến cáo thái bỏ - lưu ý thông tin đã được sửa.
Mục 15: Ghi Nhận – Tiêu Đề thông tin đã được sửa.
Mục 15: Danh Mục Hóa Chất Quốc Gia thông tin đã được sửa.
Mục 15: TAB thông tin đã được sửa.
Mục 16: Diễn Giải Mã Hiểm Hỏa thông tin đã được sửa.
Mục 16: TÊN TRUY CẬP MSN, MAT thông tin đã được sửa.

Thông tin và các khuyến nghị trong tài liệu này, theo sự hiểu biết và tin tưởng nhất của ExxonMobil's, là chính xác và đáng tin cậy tính đến thời gian phát hành. Bạn có thể liên hệ ExxonMobil để được chắc chắn rằng tài liệu này là tài liệu gần đây nhất của ExxonMobil. Thông tin và các khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng để kiểm tra và xem xét. Trách nhiệm của người sử dụng là tự quyết định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích sử dụng hay không. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, thì trách nhiệm của người sử dụng là phải bảo đảm các tài liệu hướng dẫn phù hợp về sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác phải được kèm theo với và/hoặc trên bình chứa. Các cảnh báo phù hợp và các qui trình thao tác an toàn phải được cung cấp cho người thao tác và người sử dụng. Nghiêm cấm sửa đổi tài liệu này. Ngoại trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, việc tái xuất bản hoặc tái chuyển tải tài liệu này, một phần hay toàn bộ, là không được phép. Thuật ngữ "ExxonMobil" được sử dụng cho mục đích tiện lợi, và có thể bao gồm bất kỳ một hoặc nhiều các thuật ngữ ExxonMobil Chemical, ExxonMobil Corporation, hoặc bất kỳ các công ty thành viên nào mà các công ty này gián tiếp hoặc trực tiếp có quyền lợi liên quan

DGN: 2009915XVN (553454)
